

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2026/DS-PT
Ngày: 12/01/2026
“Tranh chấp hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Tòng

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông
Bùi Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 863/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2025/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 790/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Thị M, sinh năm 1966; Căn cước công dân: 072166004131 cấp ngày 01/4/2021; Địa chỉ: tổ A ấp T, xã N, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Cao Quốc T, sinh năm: 1990, căn cước công dân số 072090011517;

Địa chỉ: ấp B, xã N, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979, căn cước công dân số 072174000237;

Địa chỉ: tổ C ấp T, xã N, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: bà Lê Nguyễn Kim H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: A khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Châu Thị Mỹ D ông Cao Quốc T đại diện trình bày:

Do là hàng xóm có quen biết với nhau nên bà M có cho bà N vay tiền, cụ thể:

Ngày 10/01/2024, bà M cho bà N vay số tiền 2.100.000.000 đồng, hứa hẹn sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ sang cho bà M 30m ngang đất để trừ nợ nhưng sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà N không thực hiện việc sang tên đất cho bà M. Khi mượn, hai bên có làm giấy viết tay và bà N ký tên, thoả thuận lãi suất là 2%/tháng.

Ngày 07/3/2024, bà N mượn bà M số tiền 50.000.000 đồng, giấy nợ do bà N viết và ký tên, thoả thuận lãi suất là 2%/tháng, hạn 02 tháng sau trả.

Kể từ khi mượn tới nay, bà N không thực hiện việc trả tiền nợ gốc và lãi, cũng không thực hiện việc thoả thuận chuyển nhượng đất cho bà M 30m như đã hứa. Bà M yêu cầu Toà án giải quyết, buộc bà N trả số tiền nợ gốc là 2.150.000.000 đồng và tiền lãi là 72.000.000 đồng.

Tại buổi hoà giải ngày 12/8/2025, bà M không yêu cầu tính tiền lãi, yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc là 2.150.000.000 đồng.

Tại phiên toà, người đại diện của bà M yêu cầu bà N trả cho bà M số tiền nợ gốc 2.150.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N thừa nhận có nợ tiền bà M. Cụ thể khoản nợ 550.000.000 đồng, bà N và bà M có hứa hẹn là tháng 02/2025 sẽ trả, số tiền này thực tế bà N đã trả cho bà M số tiền gốc là 81.000.000 đồng, thông qua người trả giúp cho bà N là bà Huỳnh Thị B Sáu do bà S có nợ tiền bà N nên thay vì trả nợ cho bà N thì trả thẳng qua bà M. Như vậy, số tiền này bà N còn nợ là 469.000.000 đồng.

Khoản nợ 1.500.000.000 đồng, bà N với bà M có thoả thuận tới tháng 10/2025 bà N sẽ trả tiền cho bà M. Bà N với bà M có thoả thuận tới hạn nếu bà N không có tiền trả thì bà N giao đất cho bà M để cầm trừ nợ, giá trị đất thì theo giá thoả thuận thực tế, nếu bà M không đồng ý lấy đất thì bà N yêu cầu bà M cho bà N thời gian tới năm 2027 sẽ trả đủ tiền cho bà M. Nay bà M khởi kiện yêu cầu trả tiền bà N không đồng ý. Việc thoả thuận như bà N trình bày chỉ lời nói giữa bà N với bà M không có lập văn bản, giấy tờ thoả thuận.

Tại phiên toà, bà N yêu cầu cho bà M thực hiện việc trả số nợ từ từ nếu không trả được thì sẽ giao đất trừ nợ cho bà M như đã hứa trước đây.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2025/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị M đối với bà Nguyễn Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị M số tiền nợ gốc là 2.150.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nợ, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 2.150.000.000 đồng của bà Châu Thị M đối với bà Nguyễn Thị N.

3. Án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 75.000.000đồng.

- Bà Châu Thị M không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.220.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000256 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận:

Bà H là người đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày: Bà N chỉ nợ bà M 2.050.000.000đồng, không phải 2.150.000.000đồng như bà M trình bày. Số tiền bà N nợ bà M là tiền bán 30m đất chứ không phải tiền vay, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà N đang thế chấp Ngân hàng nên hai bên thỏa thuận khi nào bằng khoán sang tên cho Dì P - bà M 30m ngang đất, sau khi nhận tiền bà N đã làm thủ tục đo đạc ra bản vẽ nhưng hiện nay do nhập tịch nên không ra giấy được và bà M không tiếp tục mua đất. Bà N chỉ nhận của bà M có 1.500.000.000đồng lần 1 (trong đó bao gồm tiền hui, tiền vay tương đương 20m ngang đất, do 20m ngang đất không đủ điều kiện tách thửa nên mới thỏa thuận bán thêm 10m ngang đất, tổng cộng là 30m ngang đất để tách thửa và bà N có nhận thêm của bà M 550.000.000đồng. Án sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vay là không đúng bản chất của sự việc và buộc bà N trả cho bà M số tiền 2.150.000.000đồng là làm mất quyền lợi của bà N.

Ông T là người đại diện theo ủy quyền của bà M trình bày: Trong giấy ghi rõ bà N mượn tiền của bà M, không phải tiền mua đất, nếu bà N không có tiền trả thì mới giao 30m ngang đất để trừ nợ, nhưng hiện nay đất bà N vẫn đang sử dụng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp trong ngân hàng nên án sơ thẩm buộc bà N trả cho bà M 2.150.000.000đồng là có căn cứ, do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà N. Ngoài số tiền 2.150.000.000đồng thì bà N không còn nợ bà M số tiền nào khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N trong thời hạn quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu sửa án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà N đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu bà N trả số tiền vay là 2.150.000.000đồng. Xét thấy:

[2.1] Bà M khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền vay là 2.150.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 10/01/2024 (mượn 2 tỷ 1 trăm triệu đồng) và giấy vay tiền ngày 07/11/2022 (mượn 50.000.000đồng) (bút lục 21, 22) có nội dung như sau: Giấy ô vuông ghi bằng mực màu xanh có nội dung “7-11-2022 nhà có mượn vì phạt 50.000.000 triệu nguyên thị nhà”(bút lục 21); Và Giấy nợ ngày 10-1-2024 ghi trên giấy ô vuông ghi bằng mực màu đỏ có nội dung: “Nguyễn thị N có mượn dì là Châu Thị M (dì phạt) là 2.100.000.000 đồng viết bằng chữ 2 tỷ 1 trăm triệu. Sau khi có bằng khoán sang tên cho dì phạt 30 mét đất nhà – Nguyễn Thị N1 (bút lục 22);

[2.2] Bà N1 thừa nhận chữ ký tên và chữ viết tên Nguyễn Thị N trong hai giấy vay tiền trên là của bà N. Bà N cho rằng giữa bà N và bà M trình bày có nội dung thoả thuận việc bà N giao cho bà M 30m ngang đất để trừ nợ vay nên bà N có ký tên trong giấy mượn tiền, tuy nhiên bà N cho rằng do thoả thuận giao đất nên không quan tâm đến số tiền ghi trong giấy, thực tế bà không nợ tiền bà M nhiều như vậy, đây chỉ là lời trình bày của bà N mà không có tài liệu chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định bà N có vay của bà M số tiền là 2.150.000.000đồng.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án bà N trình bày đã trả cho bà M 81.000.000đồng theo thoả thuận giữa bà N với bà M và bà Huỳnh Thị Bé S, nhưng bà M không thừa nhận có việc thoả thuận này. Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh đối với bà S: bà S trình bày bà có nợ bà N số tiền hụi là 81.000.000đồng, bà N có yêu cầu bà S trả số tiền này cho bà M do bà N có nợ tiền bà M nhưng bà S không đồng ý. Do đó bà N cho rằng có trả cho Bà M 81.000.000đồng là không có căn cứ.

[2.4] Trong nội dung giấy nợ không thoả thuận thời hạn trả tiền nên có căn cứ xác định là khoản vay không có thời hạn theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự 2025. Theo quy định của pháp luật thì bà M phải có nghĩa vụ phải báo trước cho bà N thời gian trả tiền. Tuy nhiên căn cứ vào lời trình bày của bà N, bà N hứa hẹn với bà M sẽ trả trước số tiền 550.000.000đồng vào tháng 02/2025 nhưng tới nay chưa trả, từ đó cho thấy bà M đã có thông báo yêu cầu bà N trả nợ và bà N hứa trả nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, án sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của bà M là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà M trình bày ngoài số tiền 2.150.000.000đồng này thì bà N không còn nợ bà M số tiền nào khác.

[2.5] Từ những nhận định trên án sơ thẩm buộc bà N phải trả cho bà M số tiền vay là 2.150.000.000đồng là phù hợp với các điều 463, 468, 469 của Bộ luật Dân sự

2015. Bà N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không chấp nhận kháng cáo của bà N, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2025/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu số **0005373 ngày 02/10/2025** của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 10 –Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

Trần Thanh T1 – Nguyễn Quốc TuấnTrịnh Thị P1